

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023 - 2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27 tháng 01 năm 2023, Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14 tháng 10 năm 2023, Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28 tháng 09 năm 2024 và và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 186/NQ-HĐT ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3068/QĐ-ĐHSPKT ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Ban giám hiệu Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1596/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục ngành đào tạo thí điểm các trình độ của giáo dục đại học;



Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính trình độ đại học theo hướng tiếp cận CDIO;

Căn cứ Hướng dẫn số 1064/HD-HĐKHĐT ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc rà soát, hiệu chỉnh các chương trình đào tạo đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính (mã ngành 7340205) áp dụng từ khóa tuyển sinh 2025.

Điều 2. Các chương trình đào tạo trình độ đại học là cơ sở để các đơn vị đào tạo và phòng ban liên quan lập kế hoạch hoạt động và phối hợp hoạt động giữa các đơn vị theo chức năng nhiệm vụ đã được phân công.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 254/QĐ-ĐHSPKT ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ tài chính.

Điều 4. Các phòng ban, khoa/viện, các cá nhân tại Điều 1 liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu: VT, ĐT (3b).



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Quách Thanh Hải



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 2908 /QĐ-ĐHSPKT ngày 05 tháng 8 năm 2025
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM)

Tên chương trình: **Công nghệ Tài chính**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Công nghệ Tài chính**; Mã số: **7340205**

1. Mục tiêu

1.1 - Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên chuyên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp sẽ có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, khoa học xã hội - kinh tế - pháp luật; có năng lực phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp công nghệ tài chính sáng tạo; có ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần khởi nghiệp, khả năng học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số.

1.2 - Mục tiêu cụ thể:

Đào tạo Cử nhân kinh tế ngành Công nghệ tài chính hội đủ các năng lực và phẩm chất sau:

- **Về kiến thức:** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, Khoa học xã hội, kinh tế, và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu về tài chính đề vận hành quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị danh mục đầu tư và quản trị rủi ro; có kiến thức toàn diện về công nghệ phục vụ lập trình, quản trị và phân tích dữ liệu, ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ tài chính.

- **Về kỹ năng:** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, và ứng dụng các công cụ phần mềm, giải pháp công nghệ cho các hoạt động tài chính, đổi mới sản phẩm tài chính; thành

thạo sử dụng các công nghệ, phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tài chính; đồng thời có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số và thay đổi công nghệ.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng tự học và học tập suốt đời trong môi trường toàn cầu, sẵn sàng khởi nghiệp và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

2. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Expected learning outcomes – ELOs)

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật có khả năng:

TT	Chuẩn đầu ra (Expected learning outcomes – ELOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index – PIs)	Trình độ năng lực
ELO1	Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI1.1: Ứng dụng kiến thức toán học, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề kinh tế trong đơn vị.	3
		PI1.2: Ứng dụng kiến thức kinh tế và tin học để giải quyết vấn đề trong đơn vị.	
		PI1.3: Vận dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ để giải quyết các vấn đề tài chính phát sinh trong đơn vị.	
ELO2	Áp dụng được kiến thức chuyên ngành về Công nghệ Tài chính	PI2.1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị, kế toán, thuế.	4
		PI2.2: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về tài chính, ngân hàng.	
		PI2.3: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.	



TT	Chuẩn đầu ra (Expected learning outcomes – ELOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index – PIs)	Trình độ năng lực
ELO3	Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI3.1: Khả năng áp dụng kiến thức cơ bản trong phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.	5
		PI3.2: Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.	
		PI3.3: Khả năng áp dụng kiến thức chuyên ngành trong phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.	
ELO4	Thể hiện ý thức trách nhiệm trong học tập và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI4.1: Tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.	3
		PI4.2: Có ý thức trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh của đơn vị.	
		PI4.3: Có ý thức trách nhiệm, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ tài chính.	
ELO5	Khả năng học tập và làm việc trong môi trường toàn cầu.	PI5.1: Phát triển kỹ năng cá nhân và năng lực học tập suốt đời.	3
		PI5.2: Phát triển kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.	
		PI5.3: Phát triển năng lực hội nhập môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế.	
ELO6	Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm.	PI6.1: Khả năng lên kế hoạch và phân công công việc trong nhóm.	3
		PI6.2: Khả năng phối hợp hoạt động trong nhóm.	

TT	Chuẩn đầu ra (Expected learning outcomes – ELOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index – PIs)	Trình độ năng lực
		PI6.3: Khả năng đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm.	
ELO7	Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức và sử dụng được ngoại ngữ trong công việc.	PI7.1: Khả năng giao tiếp bằng lời nói.	3
		PI7.2: Khả năng giao tiếp bằng văn bản.	
		PI7.3: Khả năng viết, đọc hiểu và giao tiếp bằng ngoại ngữ.	
ELO8	Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp và cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng Công nghệ Tài chính.	PI8.1: Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp.	4
		PI8.2: Hình thành ý tưởng cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	
		PI8.3: Lập kế hoạch cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	
ELO9	Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI9.1: Khả năng tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	4
		PI9.2: Khả năng vận hành các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	
		PI9.3: Khả năng kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	



Bảng quy ước về trình độ năng lực

Trình độ năng lực		Mô tả
$0.0 \leq \text{TĐNL} \leq 1.0$	Cơ bản	Nhớ: Sinh viên ghi nhớ/ nhận ra/ nhớ lại được kiến thức bằng các hành động như định nghĩa, nhắc lại, liệt kê, nhận diện, xác định,...
$1.0 < \text{TĐNL} \leq 2.0$	Đạt yêu cầu	Hiểu: Sinh viên tự kiến tạo được kiến thức từ các tài liệu, kiến thức bằng các hành động như giải thích, phân loại, minh họa, suy luận, ...
$2.0 < \text{TĐNL} \leq 3.0$		Áp dụng: Sinh viên thực hiện/ áp dụng kiến thức để tạo ra các sản phẩm như mô hình, vật thật, sản phẩm mô phỏng, bài báo cáo,...
$3.0 < \text{TĐNL} \leq 4.0$	Thành thạo	Phân tích: Sinh viên phân tích tài liệu/ kiến thức thành các chi tiết/ bộ phận và chỉ ra được mối quan hệ của chúng tổng thể bằng các hành động như phân tích, phân loại, so sánh, tổng hợp,...
$4.0 < \text{TĐNL} \leq 5.0$		Đánh giá: Sinh viên đưa ra được nhận định, dự báo về kiến thức/ thông tin theo các tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đo lường đã được xác định bằng các hành động như nhận xét, phản biện, đề xuất,...
$5.0 < \text{TĐNL} \leq 6.0$	Xuất sắc	Sáng tạo: Sinh viên kiến tạo/ sắp xếp/ tổ chức/ thiết kế/ khái quát hóa các chi tiết/ bộ phận theo cách khác/ mới để tạo ra cấu trúc/ mô hình/ sản phẩm mới.

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (PO) và Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (ELOs)

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ở bảng phía dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Mục tiêu của CTĐT (PO)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)								
	1	2	3	4	5	6	7	8	9

Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên chuyên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp sẽ có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, khoa học xã hội - kinh tế - pháp luật; có năng lực phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp công nghệ tài chính sáng tạo; có ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần khởi nghiệp, khả năng học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số.

Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể									
Về kiến thức	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, Khoa học xã hội, kinh tế, và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu về tài chính để vận hành quản trị tài chính doanh nghiệp, quản trị danh mục đầu tư và quản trị rủi ro; có kiến thức toàn diện về công nghệ phục vụ lập trình, quản trị và phân tích dữ liệu, ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ tài chính.	X	X						
Về kỹ năng	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, và ứng dụng các công cụ phần mềm, giải pháp công nghệ cho các hoạt động tài chính, đổi mới sản phẩm tài chính; thành thạo sử dụng các công nghệ, phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tài chính; đồng thời có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số và thay đổi công nghệ.			X			X	X	X

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Có tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng tự học và học tập suốt đời trong môi trường toàn cầu, sẵn sàng khởi nghiệp và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.					X	X			X
--	--	--	--	--	--	---	---	--	--	---

4. Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, ELOs và PIs

Mục tiêu của CTĐT (PO)			
Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ tài chính theo hướng ứng dụng hội đủ các năng lực và phẩm chất đáp ứng các yêu cầu phát triển của ngành và xã hội. Sinh viên chuyên ngành Công nghệ tài chính sau khi tốt nghiệp sẽ có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, khoa học xã hội - kinh tế - pháp luật; có năng lực phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp công nghệ tài chính sáng tạo; có ý thức trách nhiệm, tác phong học tập và làm việc khoa học, chuyên nghiệp, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần khởi nghiệp, khả năng học tập suốt đời trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kỷ nguyên số.			
Mục tiêu cụ thể (POs)		Chuẩn đầu ra (Expected learning outcomes – ELOs)	Chỉ số thực hiện (Performance index – PIs)
Về kiến thức	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học dữ liệu và máy tính, Khoa học xã hội, kinh tế, và pháp luật; có kiến thức chuyên sâu về tài chính để vận hành quản trị tài chính	ELO1: Áp dụng được kiến thức khoa học cơ bản và kiến thức cơ sở ngành trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI1.1: Ứng dụng kiến thức toán học, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để giải quyết các vấn đề kinh tế trong đơn vị.
			PI1.2: Ứng dụng kiến thức kinh tế và tin học để giải quyết vấn đề trong đơn vị.



	doanh nghiệp, quản trị danh mục đầu tư và quản trị rủi ro; có kiến thức toàn diện về công nghệ phục vụ lập trình, quản trị và phân tích dữ liệu, ứng dụng trong lĩnh vực công nghệ tài chính.		PI1.3: Vận dụng kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ để giải quyết các vấn đề tài chính phát sinh trong đơn vị.
		ELO2: Áp dụng được kiến thức chuyên ngành về Công nghệ Tài chính	PI2.1: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về quản trị, kế toán, thuế.
			PI2.2: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về tài chính, ngân hàng.
			PI2.3: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về công nghệ số và trí tuệ nhân tạo.
Về kỹ năng	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, và ứng dụng các công cụ phần mềm, giải pháp công nghệ cho các hoạt động tài chính, đổi mới sản phẩm tài chính; thành thạo sử dụng các công nghệ, phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực tài chính; đồng thời có đầy đủ các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết để thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số và thay đổi công nghệ.	ELO3: Phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI3.1: Khả năng áp dụng kiến thức cơ bản trong phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
			PI3.2: Khả năng áp dụng kiến thức cơ sở ngành trong phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
			PI3.3: Khả năng áp dụng kiến thức chuyên ngành trong phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.
		ELO6: Hình thành năng lực lãnh đạo và kỹ năng làm việc nhóm.	PI6.1: Khả năng lên kế hoạch và phân công công việc trong nhóm.
			PI6.2: Khả năng phối hợp hoạt động trong nhóm.
			PI6.3: Khả năng đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm.
		ELO7: Hình thành kỹ năng giao tiếp bằng nhiều hình thức và sử dụng	PI7.1: Khả năng giao tiếp bằng lời nói.
			PI7.2: Khả năng giao tiếp bằng văn bản.



		được ngoại ngữ trong công việc.	PI7.3: Khả năng viết, đọc hiểu và giao tiếp bằng ngoại ngữ.
		ELO8: Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp và cải tiến hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng Công nghệ Tài chính.	PI8.1: Hình thành ý tưởng và lập kế hoạch khởi nghiệp.
			PI8.2: Hình thành ý tưởng cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
			PI8.3: Lập kế hoạch cải tiến trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm	Có tinh thần trách nhiệm cao, rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chuyên nghiệp để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; có đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, khả năng tự học và học tập suốt đời trong môi trường toàn cầu, sẵn sàng khởi nghiệp và đóng góp cho sự phát triển của xã hội.	ELO4: Thể hiện ý thức trách nhiệm trong học tập và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI4.1: Tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của đơn vị.
			PI4.2: Có ý thức trách nhiệm đối với hoạt động kinh doanh của đơn vị.
			PI4.3: Có ý thức trách nhiệm, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ tài chính.
		ELO5: Khả năng học tập và làm việc trong môi trường toàn cầu.	PI5.1: Phát triển kỹ năng cá nhân và năng lực học tập suốt đời.
			PI5.2: Phát triển kỹ năng làm việc chuyên nghiệp.
			PI5.3: Phát triển năng lực hội nhập môi trường kinh doanh và hội nhập quốc tế.
		ELO9: Khả năng tổ chức, vận hành và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.	PI9.1: Khả năng tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.
			PI9.2: Khả năng vận hành các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.

			PI9.3: Khả năng kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Công nghệ Tài chính.
--	--	--	--

Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
Kiến thức										
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.		X							
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	X								
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	X	X							
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.	X	X							
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X	X							
Kỹ năng										
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.			X		X				
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.					X	X		X	X
KN3	Kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.			X				X		X



Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs) (Đánh dấu X vào ô có liên quan)								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X			X			X
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X		X		X		
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.					X		X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm										
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.				X		X			
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.					X	X		X	X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X	X				X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X	X			X	X

5. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ

Số hiệu: BM9/QT-PĐT-XDDAMN Lần soát xét: 00 Ngày hiệu lực: 01/01/2023 Trang: 11/58

5.1. Cơ hội việc làm

Với chuẩn đầu ra được xây dựng khoa học phục vụ cho tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu đào tạo của Khoa Kinh tế, sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ tài chính thể hiện đầy đủ phẩm chất đạo đức, kiến thức, kỹ năng và sức khỏe để đảm nhiệm công việc và phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực Công nghệ tài chính. Các vị trí nghề nghiệp cụ thể: **nhà phát triển phần mềm tài chính, chuyên gia dữ liệu, chuyên gia phân tích dữ liệu, chuyên gia phân tích tài chính, quản lý sản phẩm, tư vấn tài chính, chuyên gia Blockchain, chuyên gia an ninh mạng và chuyên gia AI...** trong các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh, các công ty công nghệ tài chính, các công ty phát triển phần mềm... **giảng viên, nghiên cứu viên** tại các Trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu hoặc **khởi nghiệp kinh doanh**.

5.2. Khả năng học tập và nâng cao trình độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính tại HCMUTE có đủ kiến thức để tự nghiên cứu một cách độc lập để tiếp tục nghiên cứu ở bậc học cao hơn như thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

6. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Thời gian đào tạo: 4 năm
- Khối lượng kiến thức toàn khóa: 124 tín chỉ (không bao gồm khối kiến thức Ngoại ngữ, Chuyên đề doanh nghiệp, Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng)

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 124, trong đó:

(1) Khối kiến thức giáo dục đại cương: 30

- Kiến thức bắt buộc: 28
- Kiến thức tự chọn: 2

(2) Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 94

- Kiến thức bắt buộc: 82
- Kiến thức tự chọn: 12

(3) Khối kiến thức ngoại ngữ, chuyên đề doanh nghiệp, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng: Không tính

7. Đối tượng tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông
- Hình thức tuyển sinh: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh

- Phương thức tuyển sinh: Tuyển sinh theo các phương thức được quy định bởi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
- Các tổ hợp môn học sử dụng trong xét tuyển: Được quy định theo Quy chế tuyển sinh của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp ngành Công nghệ tài chính thực hiện theo các quy định sau:

- (1) Thông tư 08/2021/TT-GDDT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học.
- (2) Quyết định số 3811/QĐ-ĐHSPKT ngày 31 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.
- (3) Quyết định số 1238/QĐ-ĐHSPKT ngày 11 tháng 05 năm 2023 về việc ban hành quy định các học phần Ngoại ngữ trong chương trình đào tạo trình độ đại học từ khóa 2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

9. Cách thức đánh giá

Thang điểm: 10. Cách thức đánh giá theo quy định/quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh.

10. Nội dung chương trình

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		30
A. Khối kiến thức bắt buộc		28
I. Lý luận chính trị + Pháp luật		14
1	Triết học Mác – Lênin	3
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
6	Pháp luật đại cương	3

TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
II. Toán học và KHTN		9
1	Toán kinh tế 1	3
2	Toán kinh tế 2	3
3	Kinh tế lượng	3
III. Nhập môn ngành		3 (2+1)
1	Nhập môn ngành Công nghệ tài chính	3 (2+1)
IV. Tin học		2
1	Tin học ứng dụng	2(1+1)
V. Ngoại ngữ		8 (không tích lũy)
1	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh 1	4
2	Kỹ năng giao tiếp Tiếng Anh 2	4
B. Khối kiến thức tự chọn đại cương		2
VI. Tự chọn kiến thức đại cương (theo danh mục)		2
C. Khối kiến thức GDTC + GDQP		(không tích lũy)
VII. Giáo dục thể chất		
1	Giáo dục thể chất 1	1
2	Giáo dục thể chất 2	1
3	Tự chọn <i>Giáo dục thể chất 3</i>	3
VIII. Giáo dục quốc phòng		165 tiết
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP		94
A. Khối kiến thức bắt buộc		82
1	Cơ sở nhóm ngành và ngành	28
2	Chuyên ngành	44
3	Chuyên đề doanh nghiệp	1 (Không tích lũy)
4	Thực tập, thực hành	4
5	Khóa luận tốt nghiệp	6



TT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
B. Khối kiến thức tự chọn		12
1	Tự chọn Cơ sở nhóm ngành và ngành	6
2	Tự chọn chuyên ngành	6

A – Phần bắt buộc

10.1. Kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	
2	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Học trước: LLCT130105
3	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học trước: LLCT130105
4	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học trước: LLCT130105
5	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học trước: LLCT130105, LLCT120205, LLCT120314, LLCT120405,
6	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	
7	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	
8	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	Học trước: MATH132701
9	EMET230606	Kinh tế lượng	3	Học trước: MATH132701
10	INFI130110	Nhập môn ngành Công nghệ Tài chính	3 (2+1)	
11	APCM220307	Tin học ứng dụng	2 (1+1)	
12	ENCO140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 1	4	Không tích lũy TC
13	ENCO240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 2	4	Không tích lũy TC
14		Tự chọn đại cương	2	

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
15	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1	Không tích lũy TC
16	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	Không tích lũy TC
17	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	Không tích lũy TC
18	-	Giáo dục quốc phòng	165 tiết	Không tích lũy TC
		Tổng cộng	30	

10.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

10.2.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành và ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	
2	FUBY323808	Lập trình Python	2 (1+1)	Học trước: APCM220307
3	ECON240206	Kinh tế học	4	
4	BLAW220308	Luật kinh tế	2	
5	MOBA230110	Tiền tệ-Ngân hàng	3	
6	RMET220310	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính và kế toán	2	
7	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	
8	INSE330308	An toàn thông tin	3	
9	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3	
10	DANA230410	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kế toán	3	Học trước: RMET220310
Tổng			28	

10.2.2 Kiến thức chuyên ngành (cho các học phần lý thuyết và thí nghiệm)

STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	PRFI220210	Thực tập 1	2	



STT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
2	DTAI230710	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	3	
3	MALE333908	Máy học (Machine learning)	3	
4	FIMA430807	Quản trị tài chính	3	Học trước: PRAC230407
5	BTDC230610	Công nghệ Blockchain và tiền kỹ thuật số	3	
6	INSU331010	Bảo hiểm	3	
7	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	
8	POMA331310	Quản trị danh mục đầu tư	3	Học trước: FIMA430807
9	FIMA431907	Quản trị tài chính quốc tế	3	Học trước: FIMA430807
10	DIBA331210	Ngân hàng số	3	
11	FIAN331410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	
12	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	Học trước: FIMA430807
13	AIFI331110	Ứng dụng AI trong tài chính	3	Học trước: DTAI230710
14	BFRM330510	Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng	3	Học trước DIBA331210
15	CRFU320810	Gọi vốn cộng đồng	2	
16	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	
		Tổng cộng	46	

10.2.3. Tốt nghiệp

Số hiệu: BM9/QT-PĐT-XDDAMN Lần soát xét: 00 Ngày hiệu lực: 01/01/2023 Trang: 17/58



STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	1	Tối thiểu 2 cột điểm, không tính tích lũy TC
2	INTE420110	Thực tập tốt nghiệp (ngành CNTT)	2	
3	GRAT460210	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNTT)	6	SV cần tích lũy đủ tối thiểu 112 tín chỉ
Tổng			10	

B – Phần tự chọn:

❖ Kiến thức giáo dục đại cương (Sinh viên chọn **02 tín chỉ** trong các môn học sau)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	2	
2	BCOM320106	Giao tiếp trong KD	2	
3	PRSK320705	Kỹ năng thuyết trình	2	
4	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2	
5	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2	

❖ Khối kiến thức GDTC + GDQP

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)
1.	PHED110130	Giáo dục thể chất 1 (Điền kinh)	1	
2.	FOOT112330	Bóng đá	1	Chọn học 2 học phần trong danh sách
3.	VOLL112330	Bóng chuyền	1	
4.	BASK112330	Bóng rổ	1	
5.	BADM112330	Cầu lông	1	
6.	TENN112330	Quần vợt	1	
7.	KARA112330	Không thủ đạo	1	



ST T	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước (MHT), MH tiên quyết (MTQ)
8.	CHES112330	Cờ vua	1	
9.	CHIN112330	Cờ tướng	1	
10.	YOGA112330	Yoga	1	
11.	PICK112330	Pickleball	1	
12.		Giáo dục quốc phòng	4 (165 tiết)	

❖ **Kiến thức cơ sở ngành_Nhóm A** (Sinh viên chọn **06 tín chỉ** trong các môn sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
1	DECO230407	Kinh tế số	3	
2	EMAR431108	Marketing điện tử	3	
3	MAOP230706	Tối ưu hóa	3	Học trước: MATH132701
4	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	3	

❖ **Kiến thức chuyên ngành_Nhóm B** (Sinh viên chọn **06 tín chỉ** trong các môn sau)

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết
Hướng Kế toán – Quản trị				
1	MAAC430507	Kế toán quản trị	3	Học kỳ 6
2	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3	Học kỳ 5
3	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3	Học kỳ 6
4	TAPO330407	Chính sách Thuế	3	Học kỳ 5
Hướng Tài chính				
5	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3	Học kỳ 6
6	QUFI330310	Tài chính định lượng	3	Học kỳ 6
7	PUFI330210	Tài chính công	3	Học kỳ 5
8	PEFI330710	Tài chính cá nhân	3	Học kỳ 5
9	BEFI330910	Tài chính hành vi	3	Học kỳ 5

11. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			38	
I. Lý luận chính trị + Pháp luật			14	
1/LLCT1 30105	Triết học Mác – Lênin	Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học mác - lenin, và vai trò của triết học mác - lenin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.	(3/0/6)	
2/LLCT1 20205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị mác - lenin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị mác - lenin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền	(3/0/6)	Học trước: LLCT130105



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		kinh tế thị trường; sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở việt nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của việt nam.		
3/LLCT1 20405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học.	(2/0/4)	LLCT130105
4/LLCT1 20314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần gồm 6 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức: khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng hồ chí minh; về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh; tư tưởng hồ chí minh về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; đảng cộng sản việt nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; văn hóa, con người; đạo đức	(2/0/4)	Học trước: LLCT130105



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
5/LLCT2 20514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần gồm 3 chương, cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của đảng (1920-1930), quá trình đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân pháp và đế quốc mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc việt nam xã hội chủ nghĩa.	(2/0/4)	Học trước: LLCT120205 LLCT120405 LLCT120314
6/GELA2 36939	Pháp luật đại cương	Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự mang tính bắt buộc chung do Nhà Nước ban hành. Các quy định của pháp luật tác động đến tất cả mọi người, đến tất cả lĩnh vực. Một trong những nghĩa vụ của công dân là “sống và làm việc theo pháp luật”. Học	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		phần Pháp luật đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật. Người học sẽ được cung cấp các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của các ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.		
II. Toán học và KHTN			9	
7/MATH 132701	Toán kinh tế 1	Học phần này bao gồm các kiến thức về ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ R_n , dạng toàn phương, phép tính vi phân hàm một biến và một số ứng dụng vào trong kinh tế	(3/0/6)	
8/MATH 132801	Toán kinh tế 2	Học phần này bao gồm các kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, phép tính tích phân hàm một biến (tích bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng), phương trình vi phân cấp 1 & 2. Một số ứng dụng kiến thức toán vào trong kinh tế	(3/0/6)	Học trước: MATH132701
9/EMET2 30606	Kinh tế lượng	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đo lường kinh tế, cụ thể là phương pháp hồi quy đơn biến và hồi quy đa biến. Thông qua đó, sinh viên biết cách thực hiện những nghiên cứu nhỏ	(3/0/6)	Học trước: MATH132701



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		dựa trên việc phân tích hồi quy, đồng thời sinh viên cũng có được những kỹ năng về máy tính như sử dụng phần mềm Excel, Eviews trong phân tích hồi quy. Cuối cùng, sinh viên có thể thực hiện được dự báo dựa trên các mô hình hồi quy.		
III. Nhập môn ngành			3	
10/INF11 30110	Nhập môn ngành Công nghệ tài chính	Nội dung của học phần này là giới thiệu vai trò, vị trí của ngành Công nghệ tài chính, chương trình học cử nhân ngành Công nghệ tài chính. Môn học này cũng giúp sinh viên định hướng việc lập kế hoạch học tập cá nhân, nghiên cứu khoa học... Học phần này giới thiệu bức tranh chung về vị trí, vai trò của ngành học công nghệ tài chính cũng như những định hướng nghề nghiệp trong xã hội hiện tại cùng các đặc điểm, yêu cầu và cơ hội phát triển nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ tài chính. Ngoài ra học phần còn trang bị cho sinh viên một số phương pháp học tập tại bậc đại học cũng như 1 số kỹ năng cần thiết cho học tập và làm việc sau này nhằm giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của một nhân viên kế toán từ đó	(2/1/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		đưa ra các ứng xử, thái độ tích cực trong giao tiếp và trong học tập.		
IV. Tin học			2	
11/APCM 220307	Tin học ứng dụng	Khóa học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và nâng cao về tin học ứng dụng trong kinh tế và quản lý như thống kê các dữ liệu lớn (big data), quản lý các hàng tồn kho, các đơn hàng xuất khẩu và nhập khẩu, quản lý tiền lương, thuế TNCN của người lao động,... bằng các công cụ Excel nâng cao và Visual basics. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức xử lý dữ liệu cơ bản như thống kê cơ bản, trực quan hóa dữ liệu cơ bản với Python trên môi trường Google Colaboratory. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.	(1/1/4)	
V. Ngoại ngữ			8	
12/ENCO 140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 1	Khóa học này đặc biệt cung cấp cho sinh viên cơ hội hiểu các câu và các biểu đạt thường dùng liên quan đến các lĩnh vực gần gũi nhất, chẳng hạn như thông tin cá nhân và gia đình cơ bản, mua sắm, địa lý địa phương, và công việc. Khóa học giúp sinh viên giao tiếp bằng tiếng Anh nói trong các nhiệm vụ đơn giản và	(4/0/8)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		thường lệ, yêu cầu trao đổi thông tin đơn giản và trực tiếp về các vấn đề quen thuộc và thường xuyên. Sinh viên được yêu cầu mô tả bằng tiếng Anh nói các khía cạnh đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh, và các vấn đề trong các lĩnh vực cần thiết trước mắt.		
13/ENCO 240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng anh 2	Khóa học này đặc biệt mang đến cho sinh viên cơ hội hiểu được các ý chính của các đoạn tiếng Anh tiêu chuẩn rõ ràng về những chủ đề quen thuộc thường gặp trong công việc, trường học, giải trí và các tình huống tương tự. Sinh viên được yêu cầu xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi du lịch ở những nơi nói tiếng Anh. Họ cũng được yêu cầu tạo ra các bài nói tiếng Anh đơn giản, kết nối về các chủ đề quen thuộc hoặc có liên quan đến sở thích cá nhân. Sinh viên còn được chuẩn bị để mô tả các trải nghiệm và sự kiện, ước mơ, hy vọng và hoài bão của mình một cách ngắn gọn, đồng thời đưa ra lý do và giải thích cho các ý kiến và kế hoạch của mình.	(4/0/8)	Học trước: ENCO140026
VI. Tự chọn kiến thức đại cương (KHXHNV)			2	
14/PSBU 220408	Tâm lý học kinh doanh	Môn Tâm lý học kinh doanh sẽ giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để hiểu tâm lý con người – đối tượng của quản lý. Môn học giới thiệu toàn bộ đời sống tâm lý của cá nhân bao gồm: các quá trình, trạng thái và thuộc tính tâm lý với	(2/0/4)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		những đặc điểm, quy luật và cơ chế của nó giúp cho sinh viên ứng dụng vào việc nghiên cứu những vấn đề cơ bản phục vụ cho việc tổ chức sản xuất kinh doanh; quản trị nhân sự; quản trị tài chính; Marketing; đào tạo nhân viên,...		
15/BCO M320106	Giao tiếp trong KD	Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tâm lý giao tiếp trong kinh doanh hầu ứng xử một cách hữu hiệu với các dạng tâm lý của khách hàng - lãnh đạo - đồng nghiệp và nhân viên thuộc quyền. Sinh viên sẽ được nghiên cứu về lý thuyết các học thuyết lẫn thực hành trong mọi tình huống - trên tinh thần làm việc theo nhóm (Teamwork), thuyết trình trước đám đông - nhằm giúp khả năng tự tin khi tiến hành một cuộc giao tiếp. Từ đó xác định ý thức rõ ràng về nhu cầu tự rèn luyện kỹ thuật - nghệ thuật giao tiếp để chuẩn bị hòa nhập trong môi trường kinh doanh đầy năng động	(2/0/4)	Tự chọn
16/PRSK 320705	Kỹ năng thuyết trình	Môn học này cung cấp cho sinh viên những phương pháp và kỹ năng thực tế để thuyết trình hiệu quả. Ngày nay, nói trước đám đông đã trở thành một yêu cầu bắt buộc đối với sự thành công của các nhà kinh tế học hiện đại. Một trong những	(2/0/4)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		thực tế là hầu hết chúng ta đều trải qua nỗi sợ thuyết trình, vì vậy cần phải có kỹ năng thuyết trình tốt để giành chiến thắng . Khóa học này sẽ giúp bạn xây dựng kịch bản để truyền cảm hứng, kiểm soát sự căng thẳng của bạn, tạo nên sự hấp dẫn về phong cách và thông điệp mà bạn muốn truyền tải đến đám đông.		
17/SYTH 220491	Tư duy hệ thống	Học phần Tư duy hệ thống giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về Tổng quan hệ thống; Tư duy để sống, học tập và làm việc hiệu quả hơn; Phương pháp luận tư duy hệ thống; Các phương pháp tư duy và tìm kiếm giải pháp sáng tạo.	(2/0/4)	Tự chọn
18/PLSK 120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp xây dựng kế hoạch. Hướng dẫn cho người học các kỹ năng tư duy và tìm kiếm giải pháp phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh bản thân để từ đó người học hình thành cho mình kỹ năng xây dựng kế hoạch học tập, kế hoạch cá nhân ngắn hạn và dài hạn, kế hoạch cho công việc phù hợp và hiệu quả. Ngoài ra còn hướng dẫn người học cách thức và kỹ năng quản lý thời gian và sắp xếp công việc hiệu quả.	(2/0/4)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGHIỆP			94	
VII. Khối kiến thức cơ sở ngành			28	
19/FUMA 230806	Quản trị học căn bản	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị, nhà quản trị, môi trường quản trị, các lý thuyết quản trị, các chức năng quản trị. Học phần còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như: quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.	(3/0/6)	
20/FUBY 323808	Lập trình căn bản Python	Khóa học cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng và những kỹ năng cần thiết có thể xây dựng các ứng dụng đơn giản bằng Python – một ngôn ngữ lập trình cấp cao, thông dịch, định hướng đối tượng và đa mục đích. Rèn luyện và phát triển kỹ năng lập trình, tư duy logic. Xây dựng nền tảng cơ bản vững chắc trong ngôn ngữ lập trình Python tạo tiền đề cho việc học các kiến thức lập trình web, công nghệ tài chính, Machine learning, Data Science ... phát triển nghề nghiệp. Lập trình căn bản Python là một môn học bắt buộc quan trọng để hỗ trợ	(1/1/4)	Học trước: APCM220307



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		cho định hướng Dữ liệu lớn và Khoa học dữ liệu thuộc ngành công nghệ tài chính. Môn học gồm các nội dung chính như sau: (1) Giới thiệu khái quát lịch sử ngôn ngữ lập trình Python và vai trò của nó trong xu hướng khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo. (2) Ngữ nghĩa cú pháp ngôn ngữ lập trình Python. (3) Nguyên lý hướng đối tượng trong Python. (4) Các thư viện phổ biến nhất hỗ trợ lập trình trong Python. (5) Xây dựng các ứng dụng bằng Python. Bên cạnh đó, môn học trang bị thêm một số kỹ năng hướng dẫn đọc tài liệu thành thạo, kỹ năng tiến hành nghiên cứu, kỹ năng viết báo cáo, trình bày thuyết minh đề tài và đặc biệt làm việc nhóm, phối hợp với nhau để hoàn thành thuyết minh đề tài và tiếng anh chuyên ngành CNTT.		
21/ECON 240206	Kinh tế học	Môn Kinh tế học cung cấp cho sinh viên chuyên ngành kinh tế những lý thuyết cơ bản để phân tích hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ vi mô cũng như vĩ mô. Từ đó, người học sẽ có cái nhìn tổng quát về các hoạt động kinh tế trong thực tiễn của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà	(4/0/8)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		nước		
22/BLA W230308	Luật kinh tế	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức hữu ích về doanh nghiệp như vấn đề thành lập, hoạt động, tổ chức quản lý, giải thể, phá sản của các loại hình doanh nghiệp, bản chất pháp lý của từng loại hình doanh nghiệp tư nhân, công ty, doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Các quy định pháp lý hiện hành về hợp đồng kinh tế ở Việt Nam như nội dung HĐKT – ký kết HĐKT – thực hiện HĐKT – các biện pháp thế chấp, cầm cố và bảo lãnh tài sản trong quan hệ HĐKT – Xử lý vi phạm HĐKT – Thanh lý, thay đổi và đình chỉ HĐKT – HĐKT vô hiệu và xử lý HĐKT vô hiệu ở Việt Nam; các quy định pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại giữa các doanh nghiệp theo con đường tòa án và trọng tài thương mại: trình tự, thủ tục giải quyết sơ thẩm, phúc thẩm một tranh chấp tại Tòa án, tổ chức và hoạt động của trọng tài thương mại, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại tại trọng tài thương mại, thi hành bản án, quyết định của tòa án, trọng tài tại Việt Nam...	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
23/MOB A230110	Tiền tệ- Ngân hàng	Giới thiệu cho sinh viên về tiền tệ, vai trò của tiền tệ và một số học thuyết liên quan đến cung cầu tiền tệ và chính sách tiền tệ quốc gia. Hướng dẫn sinh viên tìm hiểu sâu về các vấn đề liên quan đến tiền tệ như lãi suất, tín dụng, lạm phát. Giới thiệu hệ thống tài chính nói chung cũng như sự vận hành của hệ thống ngân hàng thương mại và ngân hàng trung ương nói riêng, từ đó liên hệ thực tiễn tại Việt Nam. Mục tiêu môn học (Course Objectives)	(3/0/6)	
24/RMET 220310	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính và kế toán	Nội dung học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về phương pháp thực hiện nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Tài chính – Kế toán. Phần đầu của học phần trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành ý tưởng nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu. Phần 2 tập trung vào thiết kế nghiên cứu bao gồm: các phương pháp đo lường, phương pháp chọn mẫu, thu thập thông tin, đo lường và phân tích dữ liệu. Phần 3 trình bày cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, học phần còn hướng người học đạt được mục tiêu học phần thông quan	(2/0/4)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		bài tập nhóm cho các vấn đề nghiên cứu thực tiễn.		
25/PRAC 230407	Nguyên lý kế toán	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Kế toán: các khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng, mục đích và yêu cầu kế toán, phương pháp kế toán, quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán, trình tự kế toán, kế toán các quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu, các hình thức kế toán, nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán, lập và diễn dịch các báo cáo tài chính.	(3/0/6)	
26/DMSY 233208	Cơ sở dữ liệu	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cơ sở dữ liệu và kiến thức chuyên sâu về mô hình dữ liệu quan hệ: quan hệ, phụ thuộc hàm, các ràng buộc trên quan hệ, siêu khóa, khóa chính, khóa dự tuyển, khóa ngoại, bao đóng của tập phụ thuộc hàm, bao đóng của tập thuộc tính, phủ tối thiểu của tập phụ thuộc hàm, thuật toán tìm bao đóng của tập thuộc tính, thuật toán xác định khóa, các dạng chuẩn và tính chất tương ứng. Trang bị cho người học kiến thức về mô hình thực thể kết hợp để thiết kế CSDL.	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
27/INSE3 30308	An toàn thông tin	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về an toàn, bảo mật thông tin và hệ thống thông tin (HTTT), bao gồm các yêu cầu đảm bảo an toàn HTTT, mối đe dọa gây mất an toàn, các dạng tấn công thường gặp và các dạng phần mềm độc hại; Các kỹ thuật, công nghệ và công cụ đảm bảo an toàn cho thông tin và hệ thống, bao gồm bảo mật thông tin dựa trên mã hóa; kiểm soát truy cập và xác thực người dùng; tường lửa và các hệ thống phát hiện và ngăn chặn tấn công, xâm nhập; Vấn đề quản lý, chính sách và pháp luật an toàn thông tin. - Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về an toàn và bảo mật thông tin. - Về kỹ năng: Biết tổ chức thực hiện an toàn và bảo mật thông tin cho một hệ thống. Biết sử dụng một số công cụ đảm bảo ATTT. Về thái độ và phẩm chất: Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của ANTT; vai trò, trách nhiệm và đạo đức của người làm công việc an toàn vào bảo mật thông tin: cẩn thận, làm việc theo đúng quy trình, có tinh thần trách nhiệm	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		và đạo đức nghề nghiệp.		
28/DANA 230410	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kế toán	Môn học giúp sinh viên có thể triển khai một nghiên cứu cụ thể khi đã có đề cương nghiên cứu. Việc triển khai bao gồm việc đi thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu và viết báo cáo tổng kết lại kết quả nghiên cứu. Môn học cũng trang bị cho sinh viên kỹ năng phối hợp công việc trong một nhóm để hoàn thành mục tiêu đặt ra.	(3/0/6)	
VIII. Tự chọn cơ sở ngành			6	
29/MAOP 230706	Tối ưu hóa	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bài toán quy hoạch tuyến tính: người học biết cách đưa những tình huống thực tế về mô hình tuyến tính và sử dụng các phương pháp toán học để giải, đưa ra kết quả tối ưu. Ngoài ra, môn học cung cấp cho người học phương pháp giải một số bài toán có ứng dụng thực tế như: bài toán vận tải, bài toán sản xuất đồng bộ.	(3/0/6)	Tự chọn
30/DECO 230407	Kinh tế số	Khóa học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nền kinh tế số và các đặc điểm của nền kinh tế số như nền tảng của nền kinh tế số, các thành phần của nền kinh tế số. Ngoài ra, khóa học này còn cung cấp cho người học kiến thức về một số công cụ đo lường nền kinh tế số do	(3/0/6)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		Worldbank cung cấp, các số liệu và tình hình về kinh tế số các quốc gia trên thế giới và Việt Nam. Bên cạnh đó, khóa học này trang bị cho người học kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình.		
31/EMAR 431108	Marketing điện tử	Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về digital marketing. Sinh viên biết được tầm quan trọng của digital marketing trong hoạt động kinh doanh của công ty. Sinh viên biết cách thực hiện một chiến lược digital marketing kết hợp với các kênh marketing truyền thống, giúp đạt được mục tiêu của doanh nghiệp.	(3/0/6)	Tự chọn
32/BPLA 121808	Kế hoạch khởi nghiệp	Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình khởi nghiệp kinh doanh từ tìm kiếm cơ hội kinh doanh, thấu hiểu nhu cầu khách hàng, đến phát triển ý tưởng sản phẩm, đề ra chiến lược kinh doanh phù hợp trong các bối cảnh thị trường khác nhau. Sinh viên làm việc theo nhóm dự án để thực hành lập bản kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh và trải nghiệm gọi vốn đầu tư. Sinh viên được phát triển khả năng phân tích, đánh giá tính khả thi, tính hiệu quả, khả năng sinh lời, khả năng	(2/0/4)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		phát triển của một dự án kinh doanh khởi nghiệp.		
IX. Khối kiến thức chuyên ngành			44	
33/DTAI2 30710	Chuyên đổi số và trí tuệ nhân tạo	Môn học này cung cấp những kiến thức lý thuyết và thực tế từ các lĩnh vực của Chuyển đổi số và Trí tuệ nhân tạo. Đây là một môn học giúp các sinh viên tiếp cận và xây dựng nền tảng học thuật vững chắc cho việc nghiên cứu về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong tương lai của nền công nghiệp 4.0. Môn học cung cấp các kiến thức nền tảng liên quan cũng những tình huống thực tế từ các doanh nghiệp đã và đang áp dụng chuyển đổi số cũng như ứng dụng Trí tuệ nhân tạo để giải các bài toán nghiệp vụ chuyên môn trong tài chính và ngân hàng, hình thành ý tưởng và lên kế hoạch ứng dụng chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng.	(3/0/6)	
34/MALE 433908	Máy học	Môn học này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nhận diện mẫu và máy học. Học phần khái quát các thuật toán cơ bản về học có giám sát, học không giám sát, và hệ thống khuyến nghị. (1) Hiểu và vận dụng được các bước trong quy trình triển khai dự án máy học	(2/1/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		Machine learning. (2) Có kỹ năng quan sát, phân tích và trình bày dữ liệu dưới dạng có ý nghĩa giúp cho việc đưa ra quyết định hiệu quả hơn. (3) Có kỹ năng thu thập dữ liệu, khám phá, phân tích, thống kê tạo ra các báo cáo. (4) Hiểu và vận dụng hiệu quả các thư viện toán, xác suất thống kê, các thuật toán, framework và công nghệ Machine Learning khác nhau cho các vấn đề, yêu cầu khác nhau trong thực tế nhu cầu xã hội và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh. (5) Vận dụng và triển khai các thuật toán quan trọng thuộc nhóm Supervised learning và Unsupervised trong việc giải quyết các vấn đề thực tế như phân loại, dự đoán các xu thế, xu hướng, phân tích cụm dữ liệu, gợi ý đề xuất.		
35/FIMA 430807	Quản trị tài chính	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các vấn đề tài chính trong công ty cổ phần: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong Quản trị tài chính công ty; ứng dụng phương pháp tính giá trị tiền tệ theo thời gian, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá chứng khoán ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		chính cho doanh nghiệp. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của Quản trị tài chính công ty.		
36/BTDC 230610	Công nghệ Blockchain và Tiền kỹ thuật số	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về công nghệ blockchain và ứng dụng của nó trong lĩnh vực tài chính số. Nội dung bao gồm các khái niệm cơ bản về blockchain, cơ chế đồng thuận, smart contract, các nền tảng blockchain phổ biến, tiền kỹ thuật số và tiền điện tử. Sinh viên sẽ được thực hành phát triển ứng dụng blockchain đơn giản, tương tác với smart contract và xây dựng ví điện tử.	(3/0/6)	
37/INSU3 31010	Bảo hiểm	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về bảo hiểm cho sinh viên ngành tài chính – ngân hàng: lý thuyết và mối quan hệ giữa rủi ro và bảo hiểm; các vấn đề pháp lý về hợp đồng bảo hiểm; kiến thức về thị trường bảo hiểm Việt Nam và thế giới; đặc điểm, nguyên tắc chung của các loại hình bảo hiểm hiện đang triển khai tại Việt Nam.	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
38/EPAY 431408	Thanh toán điện tử	Học phần này bao quát những kiến thức trong Thanh toán Điện tử, nhằm giúp người học hiểu được những ứng dụng công nghệ mới trong thanh toán và trong giao dịch điện tử, từ những giao dịch đơn lẻ giữa cá nhân với nhau cho tới những giao dịch phức tạp qua các cổng thanh toán điện tử. Học phần này cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về mô hình giao dịch không dùng tiền mặt được tiến hành trên mạng Internet ở các thị trường khác nhau, với các đồng tiền khác nhau, cũng như sự bùng nổ của công nghệ thanh toán, đặc biệt chú ý tới thị trường Việt Nam.	(3/0/6)	
39/POMA 331310	Quản trị danh mục đầu tư	Học phần này giới thiệu cho sinh viên về lý thuyết và thực hành về quản trị danh mục đầu tư. Các chủ đề liên quan tới quản trị danh mục đầu tư cổ phiếu, quản trị danh mục đầu tư trái phiếu, hoạt động giám sát và đánh giá hiệu quả của danh mục đầu tư cũng sẽ được đề cập đến trong học phần này. Học phần còn giới thiệu lý thuyết thị trường hiệu quả và các chiến lược quản trị danh mục đầu tư trong các thị trường hiệu quả.	(3/0/6)	Học trước: FIMA430807



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
40/FIMA 431907	Quản trị tài chính quốc tế	Môn học này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề tài chính trong công ty đa quốc gia: khái niệm và những quyết định chủ yếu trong Quản trị tài chính công ty quốc tế; ứng dụng phương pháp tính dòng tiền trong điều kiện rủi ro, phương pháp tỷ giá ngoại hối, phương pháp đo lường lợi nhuận và rủi ro, phương pháp định giá công ty, Phương pháp phòng vệ rủi ro, quản trị đầu tư dài và ngắn hạn ... phục vụ cho việc phân tích và ra quyết định về tài chính cho doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động kinh doanh quốc tế. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích và định giá nhằm đưa ra các quyết định đầu tư, một trong ba quyết định chủ yếu của Quản trị tài chính công ty.	(3/0/6)	Học trước: FIMA430807
41/DIBA 331210	Ngân hàng số	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về Ngân hàng số như: Đại cương về ngân hàng số; Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng số; Các quy trình và cách thức triển khai các sản phẩm, dịch vụ số hóa trong ngân hàng; Rủi ro trong hoạt động của ngân hàng số; Các công nghệ được áp dụng trong việc quản lý và	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		vận hành nghiệp vụ ngân hàng số. Sau khi học xong môn học này người học biết được hoạt động thực tế của ngân hàng số, từ đó chuẩn bị tốt cho công việc về sau.		
42/FIAN3 31410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính như: nội dung phân tích, tiến trình phân tích, các công cụ, kỹ thuật phân tích nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua báo cáo tài chính; người học cũng được trang bị kiến thức lập dự báo các báo cáo tài chính doanh nghiệp cho những năm hoạt động tiếp theo làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý doanh nghiệp lẫn các chủ thể bên trong và bên ngoài doanh nghiệp nhằm sử dụng hiệu quả các thông tin từ các báo cáo tài chính của doanh nghiệp để đưa ra các quyết định đầu tư, cho vay, quản lý, tư vấn khách hàng...	(3/0/6)	Học trước: FIMA430807
43/SEMA 430807	Thị trường chứng khoán	Học phần trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về thị trường chứng khoán như: Lý luận cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán, sổ giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư; phân tích và đầu tư chứng khoán, thị trường trái	(3/0/6)	Học trước: FIMA430807



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		phiếu quốc tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia trên thị trường. Tìm hiểu về các công cụ lưu thông trên thị trường chứng khoán. Nghiên cứu cơ chế hoạt động và giao dịch trên thị trường chứng khoán. Phân tích và định giá các loại chứng khoán như cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán phái sinh.		
44/AIFI3 31110	Ứng dụng AI trong tài chính	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng về ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực tài chính. Nội dung bao gồm các kỹ thuật AI/ML cơ bản và nâng cao, phân tích dữ liệu tài chính, dự báo thị trường, quản lý danh mục đầu tư, phát hiện gian lận, và tự động hóa các quy trình tài chính. Sinh viên sẽ được thực hành với các công cụ và thư viện Python phổ biến trong AI/ML, làm việc với dữ liệu tài chính thực tế.	(3/0/6)	Học trước: DTAI230710
45/BFRM 330510	Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng	Học phần nhằm cung cấp cho người học kiến thức về quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng trong hệ thống ngân hàng toàn cầu. Học phần tập trung phân tích và lượng hóa các loại rủi ro trong các nghiệp vụ ngân hàng hiện đại	(3/0/6)	Học trước DIBA331210



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		như rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tỷ giá, rủi ro thị trường, rủi ro ngoại bảng, rủi ro công nghệ và rủi ro hoạt động. Bên cạnh đó, các chủ đề về quản trị nợ và thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi, hệ số an toàn vốn, bán khoản cho vay và chứng khoán hóa cũng được phân tích trong học phần này.		
46/CRFU 320810	Gọi vốn cộng đồng	Gọi vốn cộng đồng gần đây đã nổi lên như một giải pháp thay thế khả thi cho việc tìm nguồn cung ứng vốn để hỗ trợ các ý tưởng và các dự án kinh doanh. Môn học này nhằm mục đích giới thiệu cho người học các nền tảng cho vay trực tuyến, cung cấp kiến thức và ý tưởng cơ bản về nền kinh tế chia sẻ. Ngoài ra, môn học cũng nhằm giúp người học phát triển phương pháp tư duy kinh tế và ứng dụng của nó vào việc phân tích các sự kiện, hiện tượng kinh tế trong lĩnh vực Fintech.	(3/0/6)	
47/ABDA 433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về big data, cách các công ty ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trên thế giới, Việt Nam. Năm được phương pháp triển khai hiệu quả nhất cho một hệ thống dữ liệu lớn cụ thể và phổ biến.	(3/0/6)	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
X. Tự chọn kiến thức chuyên ngành			6	
48/MAA C430507	Kế toán quản trị	Môn học trình bày kiến thức tổng quan về kế toán quản trị, giúp nhà quản trị ra quyết định phục vụ cho quản lý như phân loại chi phí; phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận; lập dự toán hoạt động và ngân sách hàng năm; đánh giá trách nhiệm của các trung tâm trách nhiệm. Môn học đặt trọng tâm vào các kỹ thuật lập các báo cáo kế toán quản trị nhằm phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh. Sinh viên sẽ được làm quen với ngôn ngữ kinh doanh và vai trò của nhà quản lý. Một môi trường học theo nhóm được khuyến khích trong quá trình nghiên cứu môn học.	(3/0/6)	Tự chọn Học trước: PRAC230407
49/BAAC 331407	Kế toán ngân hàng	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong lĩnh vực ngân hàng. Giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng. Sinh viên biết hạch toán một số nghiệp vụ ngân hàng như: nghiệp vụ huy động vốn, tín dụng, thanh toán không dùng tiền mặt, tài sản cố định và công cụ lao động, kinh doanh ngoại tệ-vàng bạc-thanh toán quốc tế, kết quả kinh doanh.	(3/0/6)	Tự chọn Học trước: PRAC230407



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		Nâng cao kỹ năng vận dụng lý thuyết và xử lý thực tế cho các sinh viên về các nghiệp vụ kế toán ngân hàng		
50/FTMA 430908	Quản trị ngoại thương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nghiệp vụ ngoại thương. Các kiến thức cơ bản như các điều kiện thương mại quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu, các vấn đề về thuê phương tiện vận tải và giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu sẽ được đề cập một cách có hệ thống, khoa học, đầy đủ và chi tiết. Các kiến thức liên quan đến hợp đồng ngoại thương, cách thức đàm phán hợp đồng, cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương cũng như cách thức giải quyết các tình huống phát sinh liên quan đến hoạt động ngoại thương cũng được nghiên cứu. Ngoài ra, sinh viên cũng được thực hành lập bộ chứng từ thanh toán quốc tế và nghiệp vụ hải quan cho hàng hóa xuất khẩu.	(3/0/6)	Tự chọn
51/TAPO 330407	Chính sách Thuế	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về Thuế: đặc điểm, bản chất, phân loại, giúp cho người học hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản này cùng với các quy định của Luật thuế về kỳ tính	(3/0/6)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		thuế, đối tượng chịu thuế, đối tượng tính thuế, căn cứ tính thuế, thuế suất, phương pháp tính và kê khai đối với các loại thuế: xuất nhập khẩu, tiêu thụ đặc biệt, giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, thuế nhà thầu, làm căn cứ để nghiên cứu rộng và sâu hơn các loại thuế và phí khác.		
52/PRAN 331106	Lập và phân tích dự án	Trang bị cho sinh viên những hiểu kiến thức cơ bản về phân tích dự án như: phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật-công nghệ, phân tích nhân lực, phân tích tài chính Môn học cũng trang bị cho sinh viên những chỉ tiêu lựa chọn dự án như: NPV, IRR, B/C...Ngoài ra, môn học cũng trang bị những kiến thức về lạm phát và tác động của lạm phát lên tính khả thi của dự án Sinh viên cũng được trang bị những công cụ phân tích rủi ro như: phân tích độ nhạy, phân tích tình huống và mô phỏng	(3/0/6)	Tự chọn
53/QUFI3 30310	Tài chính định lượng	Môn học này cung cấp cho sinh viên kiến thức quan trọng về kinh tế lượng ứng dụng trong tài chính cũng như các kỹ thuật ứng dụng trong mô hình tài chính. Sinh viên sẽ được giới thiệu về cơ sở lý	(3/0/6)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
		thuyết và thực tiễn của các đặc tính lợi nhuận tài chính, giá trị rủi ro (Value at Risk), khái niệm chuỗi thời gian, thuật toán Markowitz trong lý thuyết danh mục đầu tư, Mô hình CAPM và Fama – French. Sinh viên sẽ được giới thiệu về ngôn ngữ lập trình R/Stata, cung cấp một nền tảng linh hoạt cho việc ước lượng và hiện thực hóa các mô hình tài chính được giới thiệu trong khóa học này.		
54/PUFI3 30210	Tài chính công	Môn học Tài chính công gồm có ba phần. Phần I giới thiệu về môn học, quan điểm, mục tiêu, đối tượng môn học, các công cụ phân tích chính sách tài chính công và cơ sở cho hoạt động tài chính của chính phủ. Phần II giới thiệu các quan điểm, cơ sở lý thuyết về phân phối thu nhập, đánh giá tác động của chi tiêu lên phân phối thu nhập, công cụ phân tích đánh giá chính sách chi tiêu, đầu tư công, các chương trình chi tiêu công và chính sách bảo hiểm xã hội. Phần III giới thiệu khung phân tích chính sách thuế, đánh giá hiệu quả của chính sách thuế, xem xét các tiêu chuẩn cho một sắc thuế: hiệu quả và công bằng.	(3/0/6)	Tự chọn



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
55/PEFI3 20710	Tài chính cá nhân	Học phần này trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết để quản lý hiệu quả tài chính của cá nhân người học như lập kế hoạch tài chính, quản lý tín dụng cá nhân, đầu tư thông minh, bảo vệ tài sản và xây dựng một tương lai tài chính vững chắc, từ đó giúp người học chủ động thực hiện những quyết định tài chính sáng suốt trong cuộc sống hàng ngày.	(3/0/6)	Tự chọn
56/BEFI3 20910	Tài chính hành vi	Tổng quan về nền tảng tài chính hiện đại như lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, các mô hình ước lượng rủi ro và xác định mức giá trên thị trường, ý tưởng về thị trường hiệu quả. Những hạn chế của lý thuyết tài chính hiện đại như những quyết định của con người trái với lý thuyết hữu dụng kỳ vọng, hạn chế trong việc xác định các biến số của mô hình ước lượng rủi ro và xác định mức giá trên thị trường, những thách thức đối với thị trường hiệu quả. Nền tảng cần thiết của tâm lý học trong việc khám phá cách thức con người ra quyết định cũng như biểu hiện của những lệch lạc. Cách thức mà các vấn đề tâm lý tác động đến việc ra quyết định tài chính ở cấp độ cá nhân.	(3/0/6)	Tự chọn
XI. Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp			10	



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
57/PRFI2 20210	Thực tập 1	Học phần này giúp người học tiếp cận, tham gia môi trường làm việc tại doanh nghiệp, áp dụng kiến thức chuyên môn được học vào công việc của một nhân viên Công nghệ tài chính cụ thể, cũng như học hỏi kinh nghiệm làm việc thực tế, đồng thời rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử hài hòa tại nơi làm việc.	(2/0/4)	Học kỳ hè năm thứ 2
58/INTE4 20110	Thực tập tốt nghiệp (ngành CNTC)	học phần này giúp người học tiếp cận, tham gia môi trường làm việc tại doanh nghiệp, áp dụng kiến thức chuyên môn được học vào công việc cũng như học hỏi kinh nghiệm làm việc thực tế, đồng thời rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử hài hòa tại nơi làm việc.	(0/2/4)	
59/GRAT 460210	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNTC)	Học phần này yêu cầu sinh viên nghiên cứu đề tài liên quan đến chuyên ngành Công nghệ tài chính, được thực hiện vào học kỳ cuối cùng của chương trình đào tạo. Thông qua môn học này, người học có khả năng tổng hợp, ứng dụng được kiến thức của ngành Công nghệ tài chính trong công tác giải quyết vấn đề nghiên cứu, đồng thời vận dụng được các phương pháp luận để thu thập và phân tích thông	(0/6/12)	SV cần tích lũy đủ tối thiểu 112 tín chỉ



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
		tin, số liệu.		
KHỐI KIẾN THỨC GDTC VÀ GDQP				Không tính
XI. Giáo dục thể chất			3	
60	PHED110 130	Giáo dục thể chất 1		1
61	FOOT112 330	Giáo dục thể chất 2 Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)		1
62	VOLL112 330			1
63	BASK112 330			1
64	BADM112 330			1
65	TENN112 330			1
66	KARA112 330			1
67	CHES112 330			1
68	CHIN1123 30			1
69	YOGA112 330			1
XII. Giáo dục quốc phòng			4	
70	GDQP110 131	Giáo dục quốc phòng 1		1



STT/mã số HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/Tự học)	Ghi chú
71	GDQP110 231	Giáo dục quốc phòng 2		1
72	GDQP110 331	Giáo dục quốc phòng 3		1
73	GDQP110 431	Giáo dục quốc phòng 4		1

12. Kế hoạch giảng dạy

Kiến thức về Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng sẽ không sắp xếp vào 8 học kỳ trong chương trình đào tạo. Sinh viên **tự sắp xếp** thời gian học tập các nội dung này.

Phòng Đào tạo sẽ mở lớp trong các học kỳ để sinh viên tự lên kế hoạch học tập. Sinh viên **tự đăng ký** môn học theo các học kỳ được tư vấn như sau:

ST T	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ	Mã MH trước, MH tiên quyết	Học kỳ đăng ký
1.	LLCT120205	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	Học trước: LLCT130105	2
2.	LLCT120405	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học trước: LLCT130105	2
3.	LLCT120314	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học trước: LLCT130105	2
4.	LLCT220514	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học trước: LLCT130105, LLCT120205, LLCT120405, LLCT120314	3
5.	PHED110613	Giáo dục thể chất 2	1	Không tích lũy	3
6.	PHED130715	Giáo dục thể chất 3	3	Không tích lũy	HK hè



7.	ENCS140026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 1	4	Không tích lũy	
8.	ENCS240026	Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh 2	4	Không tích lũy	
		Tổng	14		

Học kỳ 1:

T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	LLCT130105	Triết học Mác – Lênin	3	1	
2.	INFI130110	Nhập môn ngành Công nghệ Tài chính	3 (2+1)	1	
3.	MATH132701	Toán kinh tế 1	3	1	
4.	ECON240206	Kinh tế học	4	2	
5.	FUMA230806	Quản trị học căn bản	3	2	
		Tổng	16		

Học kỳ 2:

T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GELA236939	Pháp luật đại cương	3	1	
2.	MATH132801	Toán kinh tế 2	3	1	Học trước: MATH132701
3.	APCM220307	Tin học ứng dụng	2 (1+1)	1	
4.	BLAW220308	Luật kinh tế	2	2	
5.	PRAC230407	Nguyên lý kế toán	3	2	
6.	MOBA230110	Tiền tệ-Ngân hàng	3	2	
7.	PHED110513	Giáo dục thể chất 1	1		Không tích lũy
8.		Tự chọn đại cương	2	2	
9.	PSBU220408	Tâm lý học kinh doanh	2		
10	BCOM320106	Giao tiếp trong KD	2		



T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
11	PRSK320705	Kỹ năng thuyết trình	2		
12	SYTH220491	Tư duy hệ thống	2		
13	PLSK120290	Kỹ năng xây dựng kế hoạch	2		
Tổng			18		

Học kỳ 3:

T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	INSU331010	Bảo hiểm	3	1	
2.	INSE330308	An toàn thông tin	3	1	
3.	RMET220310	Phương pháp nghiên cứu trong tài chính và kế toán	2	1	
4.	EMET230606	Kinh tế lượng	3	2	Học trước: MATH132701
5.	FUBY323808	Lập trình Python	2 (1+1)	2	Học trước: APCM220307
6.	DMSY233208	Cơ sở dữ liệu	3	2	
7.		Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A)	3	2	
8.	DECO230407	Kinh tế số	3		
9.	MAOP230706	Tối ưu hoá	3		
Tổng			19		

Học kỳ 4:

T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	MALE433908	Máy học (Machine Learning)	3	1	

T T	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
2.	DTAI230710	Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo	3	1	
3.	DANA230410	Phân tích dữ liệu trong tài chính và kế toán	3	1	Học trước: RMET220310
4.		Tự chọn cơ sở ngành (Nhóm A)	3	1	
	EMAR431108	Marketing điện tử	3		
	BPLA121808	Kế hoạch khởi nghiệp	3		
5.	BTDC230610	Công nghệ Blockchain và tiền kỹ thuật số	3	2	
6.	DIBA331210	Ngân hàng số	3	2	
7.	PRFI220210	Thực tập 1	2	2	
Tổng			20		

Học kỳ 5:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FIMA4308077	Quản trị tài chính	3	1	Học trước PRAC230407
2.	ABDA433708	Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong kinh doanh (Big Data)	3	1	
3.	EPAY431408	Thanh toán điện tử	3	1	
4.	FIAN331410	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	
5.	AIFI331110	Ứng dụng AI trong tài chính	3	2	Học trước: DTAI230710
		Tự chọn chuyên ngành (Nhóm B)	3	2	
6	BAAC331407	Kế toán ngân hàng	3		

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
7	TAPO330407	Chính sách Thuế	3		
8	PUFI330210	Tài chính công	3		
9	PEFI330710	Tài chính cá nhân	3		
10	BEFI330910	Tài chính hành vi	3		
Tổng			18		

Học kỳ 6:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	FIMA431907	Quản trị tài chính quốc tế	3	1	Học trước: FIMA430807
2.	POMA331310	Quản trị danh mục đầu tư	3	1	Học trước: FIMA430807
3.	CRFU320810	Gọi vốn cộng đồng	2	1	
4.	SEMA430807	Thị trường chứng khoán	3	2	Học trước: FIMA430807
5.	BFRM330510	Quản trị rủi ro tài chính – ngân hàng	3	2	Học trước DIBA331210
		Tự chọn chuyên ngành (nhóm B)	3	2	
6	MAAC430507	Kế toán quản trị	3		Học kỳ 6
7	FTMA430908	Quản trị ngoại thương	3		Học kỳ 6
8	PRAN331106	Lập và phân tích dự án	3		Học kỳ 6
9	QUFI330310	Tài chính định lượng	3		Học kỳ 6
Tổng			17		

Học kỳ 7:



TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	SEMI310026	Chuyên đề doanh nghiệp	01	1 và 2	không tích lũy
2.	INTE420110	Thực tập tốt nghiệp (ngành CNTT)	2	1 và 2	
Tổng			2		

Học kỳ 8:

TT	Mã MH	Tên MH	Số TC	Đợt	Mã MH trước, MH tiên quyết
1.	GRAT462110	Khóa luận tốt nghiệp (ngành CNTT)	6	1 và 2	
Tổng			6		

11. Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ tài chính được triển khai theo quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Bộ GD&ĐT và của trường ĐH SPKT Tp.HCM.

Giờ quy định tính như sau: 1 tín chỉ = 15 tiết giảng dạy lý thuyết hoặc thảo luận trên lớp = 30 giờ thí nghiệm hoặc thực hành = 45 giờ tự học = $45 \div 90$ giờ thực tập tại cơ sở = $45 \div 60$ giờ thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Số giờ của môn học là bội số của 15.

Khối kiến thức lý luận chính trị: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối kiến thức ngoại ngữ: Chuẩn đầu ra ngoại ngữ được Hội đồng Khoa học Đào tạo trường quyết định vào đầu các khóa tuyển sinh. Trong thời gian học tập, Nhà trường sẽ kiểm soát sự phát triển trình độ ngoại ngữ của sinh viên qua từng năm học để quyết định



số tín chỉ các môn học trong học kỳ mà SV được phép đăng ký. SV có thể tự học hoặc đăng ký theo học chương trình phát triển năng lực ngoại ngữ theo đề án của Nhà trường.

Khối kiến thức Giáo dục thể chất: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất 2, 3: Sinh viên tự chọn theo danh mục khi đăng ký học phần.

Khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng: Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sinh viên thực hiện tích lũy theo tín chỉ và được cấp chứng chỉ sau khi hoàn thành các yêu cầu của học phần.

Khối kiến thức tự chọn Khoa học xã hội và nhân văn: Sinh viên tự chọn 1 môn học tương ứng với 2 tín chỉ trong danh mục khi đăng ký học phần.

Khối kiến thức tự chọn Cơ sở ngành: Sinh viên tự chọn 2 môn học tương ứng với 6 tín chỉ trong danh mục khi đăng ký học phần.

Khối kiến thức tự chọn Chuyên ngành: Sinh viên tự chọn 2 môn học tương ứng với 6 tín chỉ trong danh mục khi đăng ký học phần.

Các khối kiến thức còn lại được bố trí vào 8 học kỳ như được trình bày tại mục 12.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



TS. Quách Thanh Hải

**KT.TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

TS. Nguyễn Khắc Hiếu